

THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

QUYỂN 3 (PHẦN ĐẦU)

Sớ: Thế Thân thì thông.

Xét luận kia quyển 2 ghi: “Tất cả chủng tử lại có sáu nghĩa. Sát-na diệt là hai chủng tử đều vô gián định diệt hoại, vì sao? Không phải pháp thường làm thế chủng tử, do tất cả thời tánh như ấy vốn không sai biệt”.

Giải thích rằng: Hai chủng tử là chủng trong ngoài. Nói câu hữu là chẳng phải quá khứ vị lai cũng chẳng lìa nhau được làm chủng tử, vì sao? Nếu lúc này chủng tử có, ngay lúc bây giờ quả sinh. Hằng tùy chuyển nghĩa là A-lại-da thức, nhãn đến tri sinh, ngoài pháp chủng tử nhãn đến căn trụ, hoặc nhãn đến dị thực. Nói quyết định nghĩa là chủng tử này đều quyết định sai khác, không từ tất cả tất cả được sinh, từ vật chủng này lại sinh vật này. Đợi các duyên nghĩa là chủng tử này đợi tự các duyên mới có thể sinh quả, chẳng phải tất cả thời mới có thể sinh tất cả, nếu ở chỗ này là lúc tự gặp các duyên, tức ở chỗ này lúc này tự quả được sinh. Chỉ có thể dẫn tự quả, nghĩa là tự chủng tử chỉ dẫn tự quả, như A-lại-da thức chủng tử chỉ có thể dẫn sinh A-lại-da thức, như lúa gạo chỉ có thể dẫn sinh các quả lúa gạo. Còn lại không nói pháp chủng bên ngoài vì dễ cho nên không nói, nêu vấn hỏi để hiển bày, lại văn ban đầu nêu nên nói tất cả chủng.

Sớ: Cũng hiển bày Đại chúng v.v...

Lược có hai giải thích:

1. Nói mười hai duyên khởi là không đúng, vì chẳng phải chủng tử. Nói Vô vi vô thủ v.v... là giải thích lý do.

2. Nói không đúng là thuộc ở câu sau, hiển bày duyên khởi kia thể chẳng phải Vô vi. Nói vô thủ v.v... là giải thích lý do.

Giải thích trước là chính, vốn hiển Vô vi chẳng phải là chủng tử, vì không muốn phá nghĩa Vô vi ấy.

Hỏi: Nhân luận sinh luận, nếu họ chống chế rằng, Vô vi thể tánh

tuy chẳng phải duyên sinh, mà có thể cách nó lập tên duyên sinh kia, đây cũng có lỗi gì? Cũng như các nghĩa tướng thọ Vô vi?

Đáp: Lẽ ra nên vặn hỏi họ rằng, vả lại Vô vi của ông là có công năng, hay là không có công năng? Nếu có công năng chẳng phải Vô vi, có công năng cho nên như pháp ngăn cách, nếu không có công năng tại sao có thể ngăn cách?

Hỏi: Nếu vậy Vô vi Đại thừa cũng vậy, tất cả Hiền thánh đều do Vô vi mà có sai biệt, hai lỗi cũng đồng chẳng?

Đáp: Chỉ do Hiền thánh chứng có sâu cạn mà có sai khác, lẽ nào do Vô vi mà có công năng, khiến Hiền thánh sai khác? Nên không thể cùng nêu bày. Nếu nói Vô vi thể tức là duyên sinh, lỗi ấy lại quá nặng, suy nghĩ có thể biết.

Có nghĩa cũng ngăn Thượng tọa hiện tại một niệm tâm tâm sở pháp mà có trước sau, trước sinh sau diệt, sắc pháp bốn thời sinh, trụ, dị, diệt và cổ Tát-bà-đa hiện tại một niệm trụ, dị, diệt ba pháp thứ lớp trước sau.

Biện rằng: Lý chưa chắc như vậy, các pháp tuy chấp hai bốn ba pháp đồng thời mà có, đều chỉ có một niệm gọi là sát-na diệt, nếu nói một niệm có nhiều pháp đồng thời nên không thừa nhận, khi chủng sinh hiện có ba pháp đồng thời, chủng lẽ ra chẳng phải chủng. Nếu nói chấp ấy có thứ lớp cho nên chẳng phải chủng, chấp nhận lựa chọn Thượng tọa, Hữu tông một niệm lẽ nào phân thời ư? Đâu được lựa chọn. Lại luận chỉ ngăn thường không chuyển pháp; hai, bốn, ba kia lẽ nào là thường không chuyển? Do đây chưa chắc ngăn pháp sinh, nhưng theo nghĩa khác lựa chọn, lý lẽ ra cũng thông.

Sớ: Ngay nêu bày hiện hành lựa chọn thứ bảy kia.

Nghĩa là người vô tánh khi hiện hành thứ bảy huân thành chủng, tuy quả cùng có, do quả chủng tử thể tánh trầm ẩn nên hiện hành thứ bảy không gọi là chủng tử.

Hỏi: Luận nói là cùng hiện hành quả pháp, lựa chọn các hiện thức không gọi là chủng, luận lại làm sao dùng chữ hiện ở sau, sao phiên số nói nêu bày hiện lựa chọn ư?

Đáp: Nếu không có hiện ở sau, nghi nhân không có tự thể và quá khứ vị lai cũng được gọi là chủng, vì ngăn việc này nên nói hiện.

Hỏi: Nếu vậy trong hiện chỉ nhiếp hai nghĩa, trước hiện hành nói rồi lựa chọn hiện thức, trong chữ hiện sau lẽ ra trừ hiển hiện?

Đáp: Ngay hiển hiện nói giải thích thứ bảy chẳng phải lý do chủng. Nếu không như vậy sao có lý do vô tánh hiện Thức thứ bảy không gọi

là chủng ư?

Hỏi: Nếu vậy luận tại sao không nói hiển hiện?

Đáp: Nếu nói hiển hiện chỉ có được một nghĩa, mất hai nghĩa khác nên không nói hiển hiện.

Hỏi: Hiển hiện bèn ngăn tất cả hiện hành, tại sao chỉ là vô tánh?

Đáp: Các hiện khác thiếu, còn lại chẳng phải một nghĩa này, vô tánh thứ bảy chỉ có thiếu một nghĩa này, nên riêng lựa chọn.

Sớ: Hiện có chỉ ở nhân.

Hỏi: Quả pháp sở sinh, thể đã chẳng phải không, không chẳng phải nhân khởi, vì sao hiện có chỗ riêng ở nhân?

Đáp: Chẳng phải chỗ sinh quả tất cả đều có, như Độc ảnh cảnh cùng kiến đồng chủng nhân có thể chẳng phải không, nên hiện có nói chỉ trên chỗ nhân, hoặc thông ở quả. Trong sơ căn cứ biệt tổng phối hợp với pháp, cũng không trái nhau.

Sớ: Đồng ở hiện tại cũng không trái nhau.

Tuy nhân ở sinh quả ở nơi diệt, nhưng đồng hiện tại, nên cũng không trái, nghĩa là quả đều có, chuẩn theo thứ ba ở sau, nhân ở diệt, quả ở sinh, ở đây sơ nhằm.

Sớ: Nếu vậy chủng mong chủng v.v...

Nhân chủng ở diệt, quả chủng ở sinh, nên đồng chủng hiện, gọi là quả cùng có, giả sử như vậy nào có lỗi gì. Nếu vậy chủng tử sinh hiện hành, chủng sinh chủng cả hai rốt ráo nào có sai biệt, vì đều có quả, cho nên trong sơ kết làm sao làm liệu giản? Lại trái với Du-già.

Luận: Hiện chủng dị loại.

Hỏi: Vì sao trước vặn hỏi phân biệt luận, tánh tướng đồng ư?

Đáp: Đứng về lậu Vô lậu mà nói tánh tướng đồng, chẳng phải căn cứ tất cả, hoặc căn cứ tông ấy, tâm thể tông ấy gọi đó là chủng tử, tướng gọi là hiện hành, không đồng tự tông hiện hành, chủng tử.

Sớ: Kiến phần duyên kiến v.v...

Tức tự chứng phần duyên với kiến phần, là thể kiến phần cũng gọi là kiến phần.

Sớ: Tức chẳng phải thuộc nhân duyên.

Kiến kiến đồng thời tuy gọi là nhân quả, không phải nhân duyên.

Sớ: Nếu vậy chủng mong hiện khởi v.v...

Là loại đồng chủng chủng, chỉ là nhân quả không gọi là nhân duyên.

Sớ: Không thừa nhận chủng sau sinh quả.

Kết không có nhân duyên, nếu trước sau kia sau có thể sinh quả, nên có nhân quả, đã nhiều đồng khởi, đã không có sau, nên không có nhân duyên.

Sớ: Chủng vọng đối với chủng, loại cũng nên như vậy.

Loại đồng hiện hành, không có hai tự thể một niệm được như nhau.

Hỏi: Bản, tân hai chủng lẽ nào không đồng ư?

Đáp: Nếu làm nhân duyên đồng tức không được, bản tân chẳng phải nhân nên đều không có lỗi.

Hỏi: Nếu vậy tân chủng đều sinh hiện hành, cùng bản chủng hiện cũng chẳng phải nhân duyên, sao không thừa nhận đồng?

Đáp: Ngay trong một sát-na có hai tâm đều lỗi.

Hỏi: Nếu vậy sắc chủng tân lẽ ra sinh hiện, mong không chướng sắc có nhiều loại như nhau?

Đáp: Vì duyên chưa đủ. Lại nếu sinh hiện có không có lỗi cùng tốt.

Sớ: Hỏi nếu vậy thể trái nhau.

Ý vặn hỏi này nói cũng nên kiến đạo nương theo sinh tân chủng, không do đồng thời vốn có chủng tử làm nhân mà sinh, vì trái nhau.

Sớ: “Đây không đồng thời” đến “lỗi chủng sinh chủng”.

Ý giải thích ở đây cho rằng: Đây nương theo sinh chủng, do Thế đệ nhất đồng thời Vô lậu chủng tử dẫn sinh, không do đồng thời Vô lậu chủng khởi, cho nên không đồng chủng khởi, nên không đồng niệm chủng sinh chủng.

Hỏi: Nương theo sinh chủng này sao gọi là tân huân?

Đáp: Sức Thế đệ nhất huân tập cho nên tăng Vô lậu chủng, Vô lậu chủng tử dẫn sau nương theo sinh, nương theo sinh sở dĩ được gọi là tân huân.

Sớ: “Tức chủng bản hữu” đến “chỉ có ba pháp”.

Bản chủng, tân hiện cùng làm nhân duyên sinh tân huân chủng, đây chẳng phải chánh giải thích, bản chủng mong tân vì chẳng phải nhân duyên, nếu căn cứ sơ lược duyên lý cũng không có lỗi.

Sớ: Do biệt thoát này v.v...

Do đồng niệm này không nương sinh chủng, lại chứng ở trước biệt giải thoát giới dụng tăng là thù thắng.

Sớ: Giải thích trước tức thể tăng v.v...

Tức là nghĩa bốn pháp đồng thời.

Luận: “Tuy nhân cùng quả” đến “không có tự thể”.

Có nghĩa vặn hỏi rằng: Nhân hiện có dụng, quả chẳng phải không, có thể nói quả do nhân hiện tại khởi, quả ở vị lai thể chẳng phải có, tại sao nói quả do nhân sinh?

Đáp: Chánh do quả sau không có mới nói từ nhân khởi, vặn hỏi nhân thể lạc tạ dụng thường còn, có thể nói quả do nhân dụng khởi, nhân thể rơi mất, dụng tùy theo đó cũng mất, quả sau không có nhân nên không sinh khởi.

Có giải thích như ở sau nói: Quán pháp hiện tại dẫn dụng sau, giả lập đương quả đối nói nhân hiện, thế nên nhân hiện năng dẫn quả sau.

Phá rằng: Không đúng. Nghĩa chủng tử này trước sau sinh nhau, nhân quả đều thật, họ nói hiện thức giả gọi là nhân quả, không nên lấy đó mà chứng nghĩa này.

Biện rằng: Các giải thích khác có trái lý, như trước phá nhân sinh quả sau, nay lược đáp rằng: Do nhân rơi mất sinh quả sau, nhân không có quả sau nên không sinh, nhân hiện tại thể dụng đã chẳng phải không, quả sau có nhân khởi nào lỗi gì? Các vặn hỏi khác nên suy nghĩ.

Sớ: Vì nhân đã thông chủng cùng có chủng.

Chủng trước mong cùng hiện hành làm nhân, chủng sau mong cùng chủng tử làm nhân, chủng năng chủng sinh gọi là hữu chủng. Hoặc trái lại hiện năng huân chủng kia gọi là hữu chủng, chủng tử cùng hữu chủng này làm nhân, ý nói chủng tử cùng hiện và chủng cả hai làm nhân.

Hỏi: Xét trong luận Vô Tánh quyển 2 giải thích dẫn tự quả nói: Nay chủng chủng tử này là chủng tử gì?

Đáp: Chỉ năng dẫn tự quả, nói “chỉ” là nếu vào lúc này năng sinh tự quả, tức lúc bấy giờ gọi là chủng tử, chủng cùng hữu chủng đều từ vô thí.

Giải thích: Chủng nghĩa là chủng tử, hữu chủng tức là A-lại-da thức, A-lại-da thức hay có chủng nên gọi là hữu chủng. Lại nhân gọi chủng, giải thích trước là thù thắng. Chủng, hữu chủng này trước khi chưa sinh quả cùng có từ vô thí, đối dẫn tự gọi là chủng tử, trong số đã nói đâu không trái với đây?

Đáp: Số tuy dùng tên gọi chủng, hữu chủng kia nhưng ý có sai khác, nên cũng không trái.

Sớ: Vì năng huân sinh.

Chủng tử là năng hiện sinh kia.

Hỏi: Nếu vậy nghĩa bản hữu kia thế nào?

Đáp: Cũng vì do tăng hoặc tướng từ lời nói tổng gọi là sinh.

Sớ: Thắng Quân tại sao giải thích như vậy.

Luận nói không có lỗi, sinh diệt hai tướng, tuy đồng một đời, là hai sát-na, dùng làm nhân quả nên cũng không phải tức là sát-na.

Sớ: Lại vì sao giải thích không có chủng đã sinh.

Thắng Quân giải thích chủng tùy theo chuyển lý, chẳng phải nghĩa Đại thừa lại nào có lỗi, ở sau sẽ giải thích đầy đủ.

Sớ: Tát-bà-đa cùng thiện pháp v.v... cùng ác Vô ký làm Đồng loại nhân.

Hỏi: Xét trong luận Câu-xá ghi: Nghĩa là pháp tương tự cùng pháp tương tự làm Đồng loại nhân, ba tánh năm uẩn tự bộ tự địa, chỉ có cùng tự bộ tự địa làm nhân, tại sao nay nói thiện mong bất thiện làm đồng loại ư?

Đáp: Sớ vẫn nói chung, ý cho rằng bất thiện được cùng Hữu phú Vô ký làm nhân, do vì đồng bộ.

Sớ: Các Biến hành nhân là quả dị tánh.

Chuẩn theo nghĩa Hữu tông, thân kiến biên kiến là Biến hành nhân, thể là Vô ký, biến cùng đồng địa năm bộ nhiễm pháp mà làm nhân ấy, trong năm bộ nhiễm đã có bất thiện, cho nên được nhân quả thành dị tánh, nếu vậy tại sao được Đăng lưu quả? Điều là nhiễm nên gọi là Đăng lưu.

Sớ: Câu hữu nhân lấy quả dị thực.

Cho nên Câu-xá quyển 6 nói, nghĩa là nó cùng với tâm một quả dị thực và một Đăng lưu.

Hỏi: Vì sao ở sau nói Câu hữu, tương ứng được quả Sĩ dụng?

Đáp: Trong quả Sĩ dụng lại có chung riêng, riêng quả Sĩ dụng chỉ là Câu hữu, và Tương ứng nhân được, nếu thông Sĩ dụng sáu nhân đều được, mà chỉ dùng lực quả sở đắc đều gọi là Sĩ dụng, nên không trái nhau, trong số căn cứ nói chung.

Sớ: Đây thiếu nghĩa gì v.v...

Hỏi và đáp, Thức thứ tám chẳng phải năng huân nên thiếu quả đồng thời.

Sớ: Người vô tánh ấy.

Nhân trước mà hỏi, Thức thứ tám không huân, không có nghĩa quả đồng thời, Thức thứ bảy đã huân sáu nghĩa đầy đủ, cho nên gọi là chủng.

Sớ: Trong môn Thức thứ tám.

Nói lại nhân tướng gồm có mười môn, nghĩa của chủng tử tức môn Thức thứ tám.

Hỏi: Nói dẫn tự quả tức sắc tâm v.v... đều tự chủng sinh, tương phần Thức thứ bảy làm sao sinh Thức thứ tám?

Đáp: Là vì tâm tương nên năng sinh tâm.

Hỏi: Sở huân chủng là một hay là hai?

Đáp: Giả sử như vậy nào có lỗi gì.

Hỏi: Nếu chỉ có một chủng làm sao sinh lự chẳng phải lự?

Đáp: Vì bảy tướng tám kiến có sai khác.

Hỏi: Nếu huân hai chủng, năng huân đã một, chủng tại sao có hai?

Đáp: Tuy năng huân có một, do có bản chất huân hai cũng không có lỗi, các vấn đề khác nên suy nghĩ lựa chọn.

Luận: Lúa gạo bên ngoài v.v...

Hỏi: Chủng tử trong ngoài đều có thể làm nhân, vì sao chỉ nói ngoài giả chẳng phải thật chủng?

Đáp: Xét Nhiếp luận của Vô Trước nói hai bài tụng giải thích, đủ như trong sơ đã dẫn.

Vô tánh giải thích rằng, lại chủng tử ngoài nếu lúa gạo v.v... hoặc có tuy chủng nhưng là mất hoại. Nếu cỏ kê cỏ đề v.v... hoặc có không chủng mà lại được sinh, tại sao chủng bên trong chẳng phải như chủng bên ngoài có lỗi tác bất tác được mất? Nên kế đáp rằng: Nên thành tương vi, do chủng tử bên trong cùng chủng tử bên ngoài không đồng pháp nên gọi là tương vi, nếu chủng tử bên trong cùng chủng tử bên ngoài có sai biệt, tại sao văn trước nói A-lại-da thức là Nhất thiết pháp chân thật chủng tử? Vì tránh vấn đề này nên nói ngoại chủng nội chủng làm các duyên, do lúa gạo v.v... đều là chúng sinh cảm thọ dụng nghiệp huân tập chủng tử, y sức A-lại-da biến hiện, thế nên ngoại chủng là nội chủng không có chủng nào khác.

Lại Thế Thân nói, nghĩa là chủng tử ngoài chỉ có căn cứ thế tục nói thành chủng tử. Vì sao? Vì chủng tử cũng đều là A-lại-da thức biến hiện.

Sớ: Do nhiều lần biến.

Chủng tử căn ấy Thức thứ tám biến rồi sinh hiện căn, lại biến hiện căn.

Luận: Thế lực chủng này sinh quả gần v.v...

Hỏi: Tại sao phải dẫn ra?

Đáp: Xét Nhiếp luận của Vô Trước quyển 2 nói đủ, đại lược rằng nếu hai chủng tử chỉ làm nhân sinh chẳng phải dẫn nhân, gồm thâm nhiếp để các loại chủng tử lúa gạo vào kho, không nên để thời gian lâu

dài tương tự tương tục, sau khi mai táng, thì hài như mục ứ máu các phần tùy theo đó chuyển lẽ ra cũng có, tại sao vừa chết liền phải hoại diệt? Tại sao thí như mặc tình sau diệt, thí như tên bắn buông dây cung sức bay đi làm nhân năng sinh, khiến tên lia dây cung, không phải rơi xuống ngay, sức bay đi dây cung là nhân dẫn tên, khiến tên đi trước xa đến chỗ cần đến, không chỉ buông dây cung sức bay đi năng sinh, lẽ ra rơi liền, cho nên cũng chẳng phải thế lực khởi động, lẫn lựa đẩy nhau nên không rơi liền. Đã lia dây cung đi xa có chỗ đến, cho nên biết trong này có hai sức bay đi năng sinh năng dẫn.

Sớ: “Nếu vậy hư không” đến “giả pháp không luận”.

Ý này cho rằng, nếu giả là không nên không cần lựa chọn, Vô vi lẽ ra cũng không cần lựa chọn, Chân như Vô vi khéo nói nhiếp chẳng phải trách diệt v.v... đồng sinh, tuy các thiện nhiếp cũng lại lựa chọn sai khác, giả pháp tuy không ngăn cũng có lỗi gì.

Sớ: Do đây cho nên thứ nhất nói thiện.

Tức trước nói y tha nhiếp giả, giải thích này là thù thắng.

Sớ: Vô minh huân Chân như v.v...

Từ xưa Cổ đức phần nhiều làm chấp này, luận này nói lựa chọn, nên biết xưa trái. Bồ-tát Mã Minh cũng nói Chân như thọ huân trì chủng, sợ rằng người dịch lầm.

Sớ: Người vô tánh ấy.

Hỏi: Giả sử không nói nhiếp cũng chẳng phải thọ huân, tại sao phải nhọc công lựa chọn?

Đáp: Chánh thủ tâm vương gọi là có thể huân tự thể, Thức thứ bảy lẽ nào chẳng phải là tâm vương ư? Do đây chỉ dùng nhiếp ô lựa chọn.

Sớ: Tức thành lỗi một chủng sinh hai mầm.

Như một thức chủng sắc tâm hai chỗ thấy đều trì, huân đã đồng thời, thế lực lại đồng, sau gặp sinh duyên hai chỗ đều sinh, cho nên có hai thức đồng thời mà khởi, chỗ tuy có hai là một thức nên gọi là một chủng.

Hỏi: Nếu vậy vì sao ở sau vấn hỏi luận ấy nói tức có nhiều lỗi chủng sinh?

Đáp: Lý thật mà có một chủng sinh nhiều, lỗi nhiều sinh một, trước sau xen nêu cũng không có lỗi.

Luận: Cả hai có thắng dụng là năng huân v.v...

Có thuyết nói, nghiệp cảm trong sáu thức có mạnh có yếu, yếu thì không năng huân. Luận nói không huân là căn cứ yếu kém, nếu do vấn luận không lựa chọn chung riêng mà nói không huân, lẽ ra pháp chấp

chẳng phải thuộc năng huân, gọi là dị thực, nên biết nghiệp cảm thù thắng là năng huân. Thắng là sao? Nghĩa là thọ ba phần, xả thọ đồng thời chỉ là yếu kém cho nên chẳng phải năng huân; khổ, lạc thọ đồng thời gọi là hành tướng thù thắng, là năng huân. Hoặc trong xả thọ lại phân ra ba loại là trái, thuận và trung dung, trung dung không huân, hai loại còn lại năng huân.

Lại có thuyết nói, ở đây chỉ ngăn tâm phẩm của Thức thứ tám, dị thực của sáu thức chẳng phải không năng huân, không riêng Thánh giáo nói không năng, Thức thứ tám không có sở huân có thể chẳng phải năng huân, sáu thức có sở huân, vì sao có tâm pháp chẳng phải năng, sở huân?

Biện rằng: Cả hai đều chẳng phải lý, nghĩa của sư thứ nhất phân tích như trong Nghĩa Đăng, lại đứng về ba thọ, để biện mạnh yếu, đã chẳng phải Thánh giáo, chẳng phải ý của ông sao? Nếu sư sau nói, chỉ ngăn Thức thứ tám, còn lại đều năng huân. Luận này nên kết chỉ có bảy chuyển thức có thể là năng huân, vì sao mượn nói có thể dụng thù thắng? Đã nói thù thắng là rõ ràng có ngăn lựa chọn, lại sáu thức có sở huân cho nên đều khiến năng huân, Thức thứ tám tâm sở lẽ ra cũng năng huân, vì có sở huân.

Lại nói vì sao có tâm pháp chẳng phải năng, sở huân? Thức thứ tám tương ưng lẽ ra chẳng phải tâm sở, chẳng phải năng sở huân, đã có nhiều lỗi nên không thể nương.

Sớ: Hai chủng sở sinh v.v...

Tự gọi là chủng, và nghiệp chủng.

Sớ: Hoặc pháp nhĩ này v.v...

Không cần đứng về hai chủng sở sinh kia, chỉ do không có dụng nên không năng huân.

Sớ: Như Da kiến v.v...

Hỏi: Phẩm loại tuy đồng tăng giảm có khác lẽ nào chỉ có tăng trưởng tức gọi năng huân?

Đáp: Luận nói tăng giảm gọi là năng huân, cả hai tùy theo có một tức là năng huân. Nếu không như vậy thì kiến đạo trở đi sở sinh Vô lậu chỉ có tăng mà không giảm nên không có năng huân, họ còn có năng huân, ở đây vì sao không thừa nhận?

Sớ: Trước đốn đoạn có được nghĩa chẳng?

Thập địa trở về trước trong các địa có thể đốn đoạn chẳng? Đây giả sử lập lời hỏi vậy, để biết nên không đáp, lý chuẩn theo Bồ-tát có lực nên đoạn, một là cố ý lưu, hai là không chướng địa, cho nên ắt chẳng

phải không có Kim cang đoạn hoặc tu đạo.

Sớ: Mỗi mỗi địa thông sở đoạn ba cõi.

Đây nói ngược, ý nói trong mỗi mỗi địa năng đoạn sở tri chướng trong ba cõi.

Sớ: Nếu có chín phẩm.

Ba cõi chín địa hợp thành chín phẩm, chẳng phải mỗi mỗi địa riêng có chín phẩm.

Sớ: Giải thích trước mới thành.

Tức giải thích thứ nhất chỉ có nghĩa tăng mà được thành, nên trong số tự nói: Ngay nay vì tăng, rõ ràng không kết thành giải thích thứ hai ở trước.

Hỏi: Tuy sinh trong ba cõi sở duyên không khác, hành tướng năng duyên chỉ là một là thường, vì sao có nhân sai khác được thành chín phẩm?

Đáp: Vô minh lần tăng ba cõi pháp nhĩ chín phẩm sai khác, đây cũng đâu có lỗi gì?

Sớ: Nếu do vô tánh hữu tình Thức thứ bảy v.v...

Hiện bày giải thích thứ hai ở trước phi lý.

Biện rằng: Xem giải thích thứ hai, không do hữu tánh vô tánh cùng nêu bày, còn có các giải thích này nên nêu bày sai lý.

Hỏi: Trong giải thích thứ hai của số, cái gì là ưu?

Đáp: Giải thích trước thù thắng có thêm nghĩa hiển bày, nếu giải thích thứ hai nghĩa giảm khó biết, tuy ba cõi sai khác năng sở duyên v.v... vì sao nhất định có hình tướng giảm? Cho nên giải thích thứ nhất thù thắng.

Sớ: Nếu tướng phần huân nhau tại sao pháp bị ngăn ngại.

Có pháp gì ngăn mà không khiến biến, vì tướng phần huân ư? Pháp chướng đã không, cho nên được huân.

Sớ: Như tự chứng phần v.v...

Hỏi: Nếu vậy vì sao nói kiến tướng huân?

Đáp: Đứng về dụng mà nói.

Sớ: Tức là bản thức đồng này không ngại.

Nói trong bản thức chủng sinh hiện hành gọi là chung có nhân, đồng với Duy thức này.

Sớ: Như Câu hữu nhân thể không có năng huân.

Kết nhân thể Tiểu thừa chẳng phải Câu hữu nhân. Nói không huân là giải thích lý do, lại do tự nghĩa mà hiển bày lỗi của họ.

Sớ: Chẳng phải hiện mong hiện làm nhân duyên nhiếp Đồng loại

nhân.

Không phải hiện hành mà mong ở hiện làm Đồng loại nhân.

Sớ: Nương nghĩa làm lời hỏi.

Nghĩa là nghĩa của thể, do không thể biết mà không có thể riêng cho nên không hỏi.

Sớ: Kế trong giải thích nương tụng mà lập lại.

Giải thích ở sau lời hỏi gọi đó là kế. Nói không thể biết tức bản tụng vậy.

Sớ: “Đối Pháp chỉ có căn cứ” đến “nên lược không nói”.

Thế nên luận ấy ghi: Nghĩa gì quán chấp thọ? Nghĩa là thọ sinh sắc sở y nên là nghĩa chấp thọ. Nếu y sắc thọ này được sinh gọi là chấp thọ.

Sớ: Chẳng lìa thanh do đại phát.

Bốn đại đã là Thức thứ tám sở chấp, nên chỗ phát kia không lìa tiếng của đại, cũng gọi là chấp thọ.

Sớ: Cũng như mao luân.

Sở duyên huyễn hóa, Hữu vi không thật, nên ví dụ mao luân. Có thuyết nói, nói cảnh vi tế, hoặc nhiều cảnh, nên so sánh mao luân.

Sớ: Nếu không như vậy v.v... tâm tương ứng là sở duyên ấy.

Nếu cũng không thủ như trước kế hội tên của bốn uẩn, tâm đã do danh nhiếp, lẽ ra tức là Lê-da sở duyên, các tướng cũng vậy, hoặc là lầm chữ, lẽ ra phải là chữ “lẽ nào”, giải thích trước là chính.

Sớ: Nhân chấp tâm sở chấp v.v...

Tâm thiện, Vô ký là năng biến kế, là tâm vọng chấp pháp sở chấp, từ năng chấp ấy dùng lập tên kia, sở chấp tự do kiến tướng huân chủng, cũng được gọi là biến kế sở chấp vọng chấp tập khí, hoặc năng biến kế trong tướng phần huân sở chấp chủng tử, sở chấp chủng tử gọi là chấp tập khí, giải thích trước là thù thắng.

Sớ: “Tất cả sắc” đến “lẽ ra không duyên”.

Sắc chẳng phải năng huân, cũng chẳng phải năng chấp, Thức thứ tám lại không chấp, trong sắc tướng này lại không có chủng tử, lẽ ra Thức thứ tám cũng không duyên tướng này. Do thuyết ấy nói duyên chấp chủng, nếu nói tuy thật mà được duyên sắc, lại căn cứ chủng luận nói duyên chấp tập, đã vậy nào ngại thật duyên ba tánh chủng, lại nương nhiệm chủng mà nói.

Sớ: Đã vậy Thức thứ tám lẽ ra cũng năng huân.

Đây phá phục chấp. Chấp, có thuyết nói, đã nói Thức thứ tám duyên chấp tập khí, sao không chấp ư? Nên có vắn hỏi này.

Sớ: Tức lấy đây làm chứng.

Hỏi: Sở huân chủng tử gọi là chấp tập khí, chủng thức năng huân làm chấp nên như vậy, tạng thức nếu không như vậy, ở đây vì sao làm chủng?

Đáp: Các thiện tâm v.v... do hai phần nên gọi là chấp, tạng thức cũng vậy vì sao không chấp có? Nên được làm chủng.

Hỏi: Nếu vậy tạng thức cũng năng huân, đồng bảy thức khác?

Đáp: Không có sở huân khác chẳng phải thuộc năng huân.

Sớ: “Nay ý của sư này” đến “như ở sau tự biết”.

giải thích trước tự chứng, kiến, tướng đồng chủng, sau giải thích chủng sai khác, có nhiều cách hỏi đáp, như ở sau trình bày đủ.

Sớ: “Nếu vậy Vô sắc giới” đến “nghĩa này nên suy nghĩ”.

Hỏi: Xét luận ấy ghi: Ở trong Dục giới duyên nhỏ hẹp chấp thọ cảnh, ở trong sắc giới duyên rộng lớn chấp thọ cảnh. Ở Vô sắc giới, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ duyên vô lượng chấp thọ cảnh, ở Vô sở hữu xứ duyên vi tế chấp thọ cảnh, ở Phi tướng phi phi tướng xứ duyên cực vi tế chấp thọ cảnh, tại sao duyên Vô sắc rộng lớn?

Đáp: Xét văn là lầm. Ý số chủ lấy Vô sắc làm vấn hỏi, do Vô sắc giới chỉ có duyên chủng, đã nói thức duyên vô lượng đẳng chấp thọ cảnh, rõ biết Thức thứ tám duyên chủng.

Hỏi: Tại sao chủng ấy gọi là vô lượng?

Đáp: Duyên vô lượng cảnh tâm sở huân nên gọi là vô lượng. Hoặc vô lượng v.v... công năng trên chủng năng sinh vô lượng hiện hành, giải thích trước là thù thắng.

Sớ: “Tức là năng sinh” đến “không trái bản thức”.

Tuy trên chủng ấy có nhiều công năng sai khác, tức là thiện và rộng lớn. Công năng rộng lớn đồng thức Vô ký, nên năng duyên. Rộng lớn tức công năng, tức chủng tử.

Sớ: Lại dụng Vô sắc giới rộng lớn.

Giải thích này lẽ ra là thiện, vì lược các lỗi. Có nghĩa chỉ duyên chủng thể tùy theo có công năng đều năng duyên, vì sao? Nếu thiện chủng tử công năng sai biệt, do tánh sai khác nên nói không duyên, lẽ ra Vô lậu thiện ác sở huân thành chủng đều thông hai tánh, thể là phần của dụng thiện ác Vô ký, đã nếu không như vậy, sao nói thể đồng bản thức Vô ký nói là sở duyên, dụng thông các thiện chẳng phải sở duyên? Nếu nói một chủng thể dụng sai khác nên thông hai tánh, nếu vậy luận nói nhân quả đều thiện, lẽ nào là chỉ đứng về dụng. Lại thể không lìa thức, thể các thiện chủng gọi là Vô ký, dụng không lìa thể tùy thể Vô

ký, nên chủng thể dụng cùng thức sở duyên, thể dụng đều là các thiện sở sinh, năng sinh các thiện đều thuộc các thiện.

Hỏi: Nếu vậy Vô tướng định v.v... há đều là sở duyên?

Đáp: Nó chẳng phải sở duyên.

Hỏi: Đã vậy tại sao chỉ từ công năng đều nói là sở duyên?

Đáp: Trên chủng của tâm nhằm chán, công năng phòng tâm chẳng phải vô tướng định, nhưng đứng về năng giả lập này định ấy, tuy chỉ có chủng tử công năng sai biệt không duyên giả. Nhưng giả pháp ấy không lìa thật, khi duyên chủng cũng duyên giả, tức không có lỗi.

Biện rằng: Lý không một đường, sao không có nghĩa này? Tùy tìm ý chỉ sở vốn cũng không trái, lại vặn hỏi thành tự. Lý do ấy, nói tùy bản thức và đối nhân quả để phán phân tánh, nương chủ thể luận không nương dụng mà nói, dụng thiện ác hai tánh tự thành, sao đợi nhân quả mới gọi là thiện ác? Lại thể của chủng tùy thức nhân quả, tánh đã không hằng, đâu được vặn hỏi khiến các loại thiện ác định chỉ có hai tánh? Lại do chủng thể không lìa thức nên gọi là Vô ký, liền vặn hỏi chủng dụng không lìa chủng thể thành Vô ký, lẽ ra sắc chủng không lìa thức nên không có chất ngại, sắc chủng hiện quả không lìa chủng cho nên phải không có chất ngại, thể dụng nhân quả chẳng phải tức, chẳng phải lìa, đây đã không như vậy, họ đâu thể nói vậy.

Lại nói: Chỉ duyên công năng nhằm chán chủng Vô tướng định v.v... giả không duyên, nếu vậy định thể ấy hoàn toàn không có. Công năng nhằm chán chủng chẳng phải định chẳng phải giả, trước luận nói giả cũng có thể ngăn, giả gọi là pháp gì? Giả đứng về ngăn năng lập định ấy là vì định tức năng vì nương ở năng mới giả lập định. Định nếu tức năng định tại sao giả? Nếu nương năng lập cùng tốt lỗi có không, nên biết định ấy tức chủng phòng năng, chẳng phải cảnh biệt định, định cho nên gọi là giả bản thức không duyên chẳng phải là giả.

Lại nói: Duyên chủng cũng duyên giả, nếu vậy bản thức lẽ ra phân biệt biến, do sở này đạo lý sở bèn thông.

Sớ: Lại chủng có ba phẩm.

Các loại tâm sắc ba tánh đồng sai khác đều có ba phẩm, hoặc ba cõi chủng gọi là ba phẩm.

Sớ: Tức thể của chính mình.

Tướng không lìa thức gọi là thể của chính mình.

Sớ: Hoặc đoạn chưa đoạn tùy theo tăng giảm.

Đoạn giảm chưa tăng thêm, Phạm thánh Thức thứ tám sở duyên sai khác.

Luận: Có căn thân.

Tức thể của năm căn gọi là hữu căn gọi là có căn, không riêng năng hữu, như nói hữu sắc, sắc sở y các thể tuy chẳng phải căn mà căn năng hữu cũng gọi là hữu căn, căn và hữu căn hòa hợp tích tụ nên gọi là thân.

Sớ: Do căn vi tế v.v...

Ý biện căn thân trong thể đều nêu, căn vi tế cho nên không chỉ nói căn, thân lẫn lộn ngoại trần không chỉ nói thân, nên gồm nói hai lỗi đều trừ.

Sớ: Tức năm chỗ các căn.

Tức năm phù trần.

Sớ: Duyên năm cảnh khác.

Tức là năm phù trần khác.

Sớ: Đây có lượng.

Lượng rằng, từ Thức thứ tám không thể chấp tha phù trần, vì chẳng phải tự nơi thân như năm cảnh bên ngoài.

Luận: Hai pháp này đều là sở chấp thọ v.v...

Nghĩa chấp thọ này thông Đại thừa Tiểu thừa, trong đó lớn nhỏ chẳng phải không sai khác. Đối Pháp quyển 5 chỉ có đứng về sinh thọ. Du-già quyển 53 thông y cứ nương trì sinh thọ mà nói, nên Đối Pháp nói nghĩa là thọ sinh sắc sở y nên là nghĩa chấp thọ, nếu y sắc thọ này được sinh nên gọi là chấp thọ.

Luận Du-già ghi: “Nếu thức nương chấp gọi là chấp thọ sắc”, điều này lại thế nào? Thức thức đã dựa vào việc an nguy, đồng hòa hợp sinh trưởng. Lại đây vì nương năng sinh các thọ, cùng tương vi này chấp thọ sắc, trước hẹp sau rộng, hai luận sai khác. Hiện chủng căn cảnh đủ như trong số tổng hợp. Nếu theo Tiểu thừa, Câu-xá quyển 2 nói năm căn hiện tại, phù căn bốn trần gọi là có chấp thọ, các loại khác chẳng phải chấp thọ. Nghĩa chấp thọ, tức luận ấy nói tâm tâm sở pháp cùng sở chấp thọ, nhiệm là chỗ nương gọi là có chấp thọ, tổn ích triển chuyển lại tùy nhau, tức các thế gian nói có giác xúc, vì các duyên đã xúc giác lạc. Đây đồng với Du-già có hai nghĩa. Căn cảnh v.v... chín loại lại như Đối Pháp.

Hỏi: Đại thừa tại sao ý chỉ có Thức thứ tám gọi là năng chấp thọ?

Đáp: Xét luận Du-già 51, do vì năm nhân:

1. A-lại-da thức đời trước tạo nghiệp hành làm nhân, nhân v.v... chuyển thức hiện duyên làm nhân, nghĩa là căn cảnh v.v...

2. Sáu thức ba tánh có thể được.

3. Sáu thức Vô phú Vô ký dị thực sở nhiếp loại không thể được.

4. Sáu thức riêng nương nó, nó nương các chuyển thức kia, tức sở y kia lẽ ra có chấp thọ, còn lại không chấp thọ, giả sử thừa nhận chấp thọ cũng không đúng lý, vì thức xa lìa.

5. Lại sở y ngăn, lẽ ra thành thường thường, là lỗi chấp thọ, vì sao? Do nhân thức kia đồng thời không chuyển, các thức cũng vậy, Thức thứ tám dị thực nên năng chấp thọ.

Sớ: Biến tức chuyển biến.

Tức là sinh biến, ở sau sở kết rằng, cho nên năng sinh nhân gọi là năng biến.

Sớ: Duyên Vô lậu chủng chuẩn theo đây nên biết.

Trong nhân Thức thứ tám mong Vô lậu chủng hai biến đều không có, không duyên, không huân như thứ lớp không gọi là duyên sinh hai biến, quả vị bản thức duyên nên gọi là biến, nhân vị Vô lậu thức sáu, thứ bảy hai thức có đủ hai biến, trong quả Thức thứ bảy chỉ duyên gọi là biến, nghĩa suy nghĩ có thể biết.

Sớ: Tức căn chủng v.v... đủ hai nghĩa biến v.v...

Hiện hành Thức thứ tám mong căn cùng chủng đủ duyên và chấp, khí bên ngoài chỉ duyên, chủng tử thức ấy đối hiện Thức thứ bảy chỉ có sinh một biến, hiện mong hiện bảy ba biến đều không, nếu chủng tử thức mong hiện căn khí, tức sinh gọi là biến, khí cũng là thức, cùng chủng sinh. Sở chỉ bày phương góc lại nêu hiện thức, hiện thức và chủng hợp lại mà nói, căn đủ ba biến, ngoại khí hai biến.

Sớ: “Kinh bộ” đến “đã lược giải xong”.

Tức sự Kinh bộ đều không khởi v.v... như trong số quyển 1 giải thích.

Sớ: Nhưng chỉ có giải thích trước v.v...

Lược có hai giải thích:

1. Như nhân Thức thứ tám duyên tự ba cảnh, nhưng tướng vô chất, tâm sở nương Thức thứ tám cùng làm chất duyên, hoặc lại xen nương giá làm chất khởi, nên không thể nói bản chất là đồng, gọi là đồng một, do đây nên nói tướng gọi là hành tướng, hành tướng tương tự gọi là đồng sở duyên.

2. Sở sai lầm, lẽ ra nói là đúng, nhưng chỉ có giải thích thứ hai, không có giải thích ban đầu, còn lại nói đồng với trước.

Biện rằng: Giải thích sau thù thắng.

Hỏi: Làm sao để rõ?

Đáp: Kiến gọi là hành tướng, tướng chỉ tướng tự gọi là đồng sở duyên, không gọi hành tướng, rốt cuộc có lỗi gì.

Lại trong sở ở sau kết hợp với luận Du-già, Du-già căn cứ chất gọi là đồng sở duyên, đây đứng về ảnh tượng gọi là sở duyên v.v... lẽ nào có thể trước sau tự làm kia đây? Lại xét trong sở chủ Du-già sao rằng: Nếu ảnh tượng gọi là hành tướng, tức do bản chất làm sở duyên, thể một gọi là đồng, thể hình tướng sai khác nên gọi là không đồng. Nếu do kiến phần gọi là hành tướng, tức thể của thân tướng phần tuy đều sai khác, tự gọi là đồng một, thể kiến phần phải mỗi mỗi đều sai khác nên gọi là không đồng. Do đây nên biết, kiến gọi là hình tướng, Thức thứ tám tâm vương sở tướng phần tướng tự gọi là đồng sở duyên, kiến phần đều sai khác gọi là hành không đồng. Nếu vậy tướng phần gọi là hành tướng, tức hành tướng đồng, tại sao nói không đồng một hành? Thức thứ tám chẳng phải nhất định duyên cảnh bản chất, lại làm sao nói đồng một sở duyên? Nếu nói tướng phần tướng tự gọi là đồng, nếu vậy sở duyên hành tướng là một, tại sao nói đồng, không đồng? Do đây nên biết trong sở đảo lộn.

Sớ: Không có tâm tâm sở tự năng duyên.

Tông ấy không thừa nhận tâm tâm sở pháp mà có thể tự duyên.

Luận: “Nếu tâm tâm sở” đến “tự sở duyên cảnh”.

Các sư đều nói, lượng trước phá Chánh lượng và An Tuệ, không phá các bộ khác, nay giải thích rằng không đúng. Nghĩa mười chín bộ tuy khi tâm tâm sở duyên cảnh có hành cảnh tướng, hành cảnh tướng ấy là tướng năng duyên chẳng phải là sở duyên, tại sao lượng trước chỉ có phá Chánh lượng? Thế nên nói lượng đầu phá chung hai mươi bộ.

Biện rằng: Tuy tướng kèm theo chấp thuộc về năng duyên, nhưng nói tướng tự sở duyên này, nên sở duyên tức tướng, tướng sở duyên gọi là tướng sở duyên, không đồng chánh lượng, tự này cũng không, do đó nghĩa của các bậc cổ đức cũng không lỗi.

Luận: Nếu tâm tâm sở không có năng duyên.

Các sư đều nói phá sư An Tuệ và nghĩa Thanh Biện. Nay giải thích phá chung nghĩa Chánh lượng bộ, nói tâm ấy v.v... là khi tâm duyên cảnh, lại không riêng nói ở tâm năng duyên có hành tướng.

Biện rằng: Đây nói hai phần, nói tướng năng duyên tức tâm kiến phần, chẳng phải đứng về kiến phần nương trên tâm mà lập. Nếu riêng lập thì ba phần tại sao sai khác? Như kiến phần trước gọi là hành tướng lẽ nào trên kiến phần mà riêng nói ư? Do Chánh lượng này có tướng năng duyên, nên biết các cổ đức nói không trái luận.

Sớ: Thanh Biện cũng nói v.v...

Do Thắng nghĩa để không những không có tướng năng duyên mà tâm thể cũng không. Trong văn luận đã nói có tâm tâm sở, nhưng khi duyên cảnh không có tướng năng duyên, nên biết chỉ căn cứ Thế tục để phá. Các sư đều nói, Thanh Biện nói có hữu tướng mà không có kiến phần, đây không nương tông, kiến phần nương thế tục nói chỉ có thức, ở trong thế tục tuy có tâm, cảnh, ẩn liệt hiển thắng gọi là Duy thức.

Biện rằng: Chẳng khéo phá, trong không có lỗi lại nói có lỗi. Sớ đã nói, nếu đứng về thế tục kiến tướng đều có. Nay ông nói tất cả chỉ có cảnh, đây lẽ nào không thừa nhận cảnh có kiến chấp ư? Nếu nói phá các thứ khác, sớ không bài xích, phá tha có thể thông, tự lập nếu không như vậy, đã căn cứ thế tục kiến tướng đều còn, lý nào riêng trừ tướng năng duyên kia? Lại nói tâm thể là hiện chủng ư? Nếu hiện hành, là đã không có năng duyên sao gọi là hiện thức, nên xét rõ.

Sớ: Thứ hai hợp phá An Tuệ.

Lại nói, ở đây phá nghĩa của An Tuệ, tuy giải thích ở đây là hai phần chẳng phải văn ba phần, tại sao nói không năng duyên kia ư? Tự chứng tức là dụng năng duyên, nên đối với hai phần chỉ có thể phá không có tướng sở duyên kia, hoặc có thể, văn này chẳng phải nghĩa hai phần, tức là ba phần.

Biện rằng: Đây nói hai phần kiến tướng tương đối gọi là năng sở duyên, do phá An Tuệ thì làm gì có lỗi! Lại luận tự kết nên tâm tâm sở ắt có hai tướng, nên không thể phân thuộc về ba phần.

Sớ: Lại Đại chúng bộ cùng với đây đồng.

Đây giải thích ở trước ý nêu mười chín bộ.

Sớ: Tự duyên thể tức không như vậy.

Hiển bày đoạn trên nói trừ Đại chúng ra.

Sớ: Do không từng làm duyên tướng phần.

Như các sắc v.v... từng làm tướng phần, bị kiến phần duyên, nên sau mới có thể nhớ, tâm đã không như vậy, sau làm sao có thể nhớ? Nên sau có thể nhớ nói do lúc trước tự chứng duyên.

Sớ: Phật địa thứ ba v.v...

Xét luận ấy dẫn Tập Lượng luận nói, Tập Lượng luận cho rằng các tâm tâm pháp đều chứng tự thể gọi là hiện lượng. Nếu không như vậy thì như không từng thấy, không nên nhớ nghĩ.

Sớ: “Trong này có hành tướng” đến “gọi là tướng tự”.

Lập lại giải thích ý của Du-già kia. Nói trong này là luận Du-già, tức dùng tướng phần gọi là hành tướng. Nói cảnh căn cứ tổng, tướng

phần tương tự, như duyên màu xanh tương phần đều xanh, nên gọi là tổng. Do luận này nói đồng một sở duyên, nói kiến phần căn cứ biệt gọi là tương tự. Tương tức tức là nghĩa không đồng, nên luận nói không đồng hành tương.

Hỏi: Phàm nói tương tự tuy thể không đồng có chút so sánh, nay kiến phần nói tự có tương loại gì?

Đáp: Như duyên các màu xanh v.v... tâm vương tâm sở đều như vậy nên gọi là tương tự. Có thuyết nói cảnh căn cứ tổng, bốn câu sau ở sau văn đều khế hội với Du-già, Duy thức.

Biện rằng: Không đúng. Giải thích trước là chính, tìm xem có thể rõ.

Sớ: Khi tâm tâm sở đây thừa nhận nương đồng.

Luận này quyển 3 nói các sở duyên, đẳng cũng là nghĩa tương tự, các văn khác cũng thế.

Sớ: Hiện lượng là so sánh quả, hỏi đáp cũng vậy.

Hỏi: Hỏi đáp này cùng với trước nào có sai khác mà cần phải nêu?

Đáp: Trước nương phần vấn hỏi, nay căn cứ lượng vấn hỏi.

Sớ: Như chương Mạt-na.

Đây chỉ Nhiếp luận nói chỗ Mạt-na gọi là chương Mạt-na, do họ rộng dùng nghĩa môn mà biện nên gọi là chương. Ý số vấn hỏi: Năm thức hiện lượng tại sao có trình bày? Nên trong số đáp, vì phiền não này bị tướng nhiễm ô nên có ràng buộc. Người ngoài vấn hỏi: Làm sao biết được? Cho nên chỉ chương ấy. Nay xét Vô Tánh luận quyển 1 ghi: “Đây tức là thức, lia nhiễm sở y, ở định bất định trong các thiện vị đều không trái nhau vì hằng hiện hành”. Hiện hành như thế nào? Nghĩa là khi thiện tâm cũng chấp ngã, do năm thức này có ràng buộc nhau. Nói số chủ nói Mạt-na chương là sai.

Sớ: Tức do tự chứng làm duyên tương phần.

Vì dụng không lia thể nên nói như vậy.

Sớ: Đắc được pháp đắc và phi đắc.

Đại đắc tiểu đắc nên nói lại là đắc. Pháp sở đắc thể chẳng phải là đắc gọi là pháp phi đắc.

Hỏi: Ý vấn hỏi thế nào?

Đáp: Như đại kia đắc năng đắc bản pháp, lại được tiểu đắc, không lập thứ tư, sinh cũng như vậy, nêu bày kiến phần đồng với họ, duyên tương, tự chứng không cần thứ tư.

Sớ: Không có chủng khác sinh.

Tùy theo tướng kiến kia, sư đồng chủng giải thích, hoặc đứng về độc ảnh chẳng phải tận lý mà nói.

Luận: Hoặc nội hoặc ngoại đều có sở thủ v.v...

Như trong số có nói đủ, có nghĩa đồng như số mà lập lý rằng: Trước trong Trường hàng nói là phần thứ hai chỉ duyên phần thứ nhất, Phật tâm kiến phần không chỉ duyên ban đầu, vì cũng thông ở sau. Lại trong nêu bày tông giải thích Hữu lậu thức vì chẳng phải Vô lậu. Lại ba phần vị Vô lậu đều năng duyên ba phần khác, tại sao trong ngoài xen nhau hệ thuộc?

Sớ: Tuy duyên Chân như cũng không được duyên.

Tuy có chỗ nói kiến phần duyên Như, kiến đã ngoài dụng, thật không được duyên.

Biện rằng: Lại y nghĩa kiến phần không duyên Như, vì thuận ở đây kiến gọi là bên ngoài, chẳng phải tận lý.

Sớ: Nếu vậy trong tâm lẽ ra chẳng phải quả bên ngoài,

Ý vặn hỏi này cho rằng, trong ngoài có sai khác, ngoài chẳng phải quả pháp trong, nghĩa trong ngoài không đồng, trong cũng chẳng phải quả ngoài?

Đáp: Chỉ đồng với nghĩa lượng, phi lượng ở trước, suy nghĩ có thể biết. Nay lại đáp rằng: Một kiến thông duyên trong ngoài ngăn ngại, cho nên ngoài không làm pháp quả, tự chứng phần duyên hai lỗi không có, cho nên trong được làm quả ngoài.

Sớ: Tâm nếu tự duyên không có lỗi sai biệt.

Tức tự chứng phần mà duyên kiến phần, căn cứ này thành vặn hỏi, năng sở tác v.v... thấy đều là tâm, nên không có sai biệt. Có thuyết nói, đứng về Duy thức mà vặn hỏi không đứng về bốn phần, đã chỉ là thức thì có các nhân quả nào sai biệt ư?

Biện rằng: Không đúng. Vốn duyên bốn phần mà vặn hỏi này sinh, sau số kết rằng, y kiến phần mà nói, nên biết không phải y Duy thức mà vặn hỏi.

Luận: Tức ngoài đại chủng.

Nói ngoài là lựa chọn khác với trong, nghĩa trong ngoài sai khác có năm giải thích:

1. Sở chấp gọi là ngoài, nghĩa là ngoài tâm, còn lại gọi là trong, vì không lia thức.

2. Bản chất gọi là ngoài cũng là ngoài tâm, ảnh tượng gọi là trong, vì trong tự tâm.

3. Nghĩa lý các pháp sai biệt gọi là trong, thể sự tự tánh các pháp

gọi là ngoài, nên mê lý là nói y nội môn, phát ra thân ngữ v.v... gọi là y ngoại.

4. Tự tại tương tục gọi đó là trong, tha thân phi tình gọi là ngoài, do các chất đều là ngoài tự thân.

5. Trong mười hai xứ các tâm nương sáu căn gọi là trong, do vì thân cận, các tâm sở duyên sáu cảnh gọi là ngoài, do vì thưa xa. Nay luận nói ngoài nương môn thứ tư, nhưng trong số nói tuy chẳng phải ngoài thức xứ ngoài gọi là ngoài, giải thích này không đúng. Căn và căn nương nhau, phần sau luận tự nói: đều gọi là trong. Nếu đứng về xứ môn căn có thể gọi là trong, phù căn y xứ nên gọi là ngoài.

Biện rằng: Tự xác quyết có lẫn lộn, trong số giải thích không trái, chỉ nói khí sắc do ngoại xứ nên được tên gọi bên ngoài, thì ai nói nhiếp phù trần sắc kia? Đây là do biệt xứ của tướng thanh chuyển. Xác quyết y thứ tư, tha thân lẽ nào được đồng ngoại khí ư? Ý của luận chỉ nói khí sắc bên ngoài. Nếu nói chỉ lấy một phần thứ tư sao bỏ thứ năm? Không lựa chọn thứ năm cho nên tự xác quyết là sai.

Số: Du-già quyển 66 nói có hai thứ cộng trung.

Xét luận ấy nói, do thiện bất thiện Vô ký tác ý dẫn phát nghiệp trước, có thể dẫn các hành khiến trụ không dứt, nghĩa là do nghiệp cộng bất cộng ngoại phần sinh khởi.

Giải thích rằng: Nói hữu tình trụ do ba nghiệp này hay cảm khí giới, khí giới vì nương hữu tình được trụ.

Số: Bất cộng trong cộng như ruộng vườn mình v.v...,

Có nghĩa chỉ ở trong câu đầu, phần nhiều là tự thọ dụng, nhưng cũng có nghĩa tha thọ dụng.

Lại như phù trần chỉ có ở tự thân có chút phần làm nghĩa tha dụng, cũng gọi là cộng, tại sao ruộng v.v... lại gọi là bất cộng?

Biện rằng: Không thể, nếu vậy phù trần lẽ ra cũng ở trong câu đầu, có nghĩa tha dụng, như ruộng vườn v.v... Nếu nói thuộc tự chẳng phải câu đầu, ruộng vườn v.v... lẽ ra như vậy cũng thuộc tự, nên nếu nói phù trần thuộc tự nội thân nên không nêu bày, thì chỉ do nghĩa này phù trần gọi là cộng trong bất cộng, nhà v.v... gọi là bất cộng trong cộng, vì trong ngoài sai khác. Lại không thuộc tha, nên thuộc về ban đầu.

Hỏi: Tịnh độ mà Phật, Bồ-tát biến hiện không lìa chỗ ướ, tướng tịnh ướ mong nhau lẽ ra là câu thứ hai chẳng?

Trong truyện có hai cách giải thích:

1. Hữu lậu bất tịnh do đồng xứ, nghiệp lại ít đồng, thọ dụng có sai khác gọi là câu thứ hai, Phật chỉ có Vô lậu, Bồ-tát cực tịnh đồng xứ,

nghiệp tịnh bất tịnh có sai khác, cho nên chẳng phải câu thứ hai.

2. Tịnh uế chỗ ấy đã đồng, tức là thứ hai bất cộng trong cộng.

Biện rằng: Giải thích trước là thiện, lại đồng với địa khí hữu tình cùng biến, do có biệt nghiệp, ở đây lại phân ruộng vườn v.v... các cảnh, dị sinh Phật v.v... tức không bằng, sao được mong nhau mà thuộc câu thứ hai?

Sớ: Duyên lúc dài đều là duyên màu xanh v.v...

Có nghĩa, duyên dài v.v... là chính. Luận Phật Địa nói mười tám viên tịnh chỗ hiện Tịnh độ hiển bày hình sắc đầy đủ, chuẩn theo biết cõi uế tùy theo thức sở biến rộng hẹp phân lượng có hình sắc. Luận trước cũng nói, tùy lượng lớn nhỏ đến hiện một tướng.

Biện rằng: Nói duyên dài v.v... là căn cứ biệt duyên, vì đứng về dài v.v... không lia các màu xanh, khi duyên các màu xanh nghĩa nói là duyên. Nếu nghĩa nói duyên, trong số đã nói xong. Nếu biệt duyên tại sao Thức thứ tám nhân duyên biến ư? Cũng không thể lấy Phật Địa làm chứng vì tịnh uế khác nhau.

Luận: “Tuy các hữu tình” đến “biến tợ một”.

Hỏi: Lại như một cây, hữu tình cộng biến, mà khi một hữu tình thay dụng thành dụng tự biến, vì bao gồm dụng tha, nếu chỉ có tự, những người khác biến lẽ ra còn hoài không mất, cây tại sao không thấy? Nếu cũng dụng tha sao gọi là Duy thức?

Đáp: Cây v.v... đã là cộng tướng chủng sinh, đều tùy thuận nhau xen có tăng ích, một hữu tình tự sở biến là sở duyên thân dụng, tha sở biến là cùng với tự sở biến làm tăng thượng duyên, cũng duyên dụng thừa xa, tất cả mong nhau tự làm sở thuận, tha là năng thuận, do sở thuận không có nên năng thuận cũng diệt, do đó cây này chết thì Duy thức cũng thành.

Hỏi: Vì sao được biết cùng nhau tăng ích?

Đáp: Đối Pháp quyển 7 nói có cộng nghiệp là tăng thượng duyên, như thứ lớp ở sau có dẫn.

Hỏi: Nếu vậy trong Nghĩa Đăng nói nghĩa dụ không thành, ánh sáng một ngọn đèn tắt các ánh sáng khác vẫn còn, pháp không tương tợ sao được làm dụ?

Đáp: Dụ lấy ít phần nên không trái nhau.

Sớ: Năm mươi bốn các hữu đối pháp v.v...

Sớ văn dẫn lược, nay lại nói đủ, vì nhân duyên gì các hữu đối pháp đồng ở một chỗ không xa lìa nhau mà không nói tên vô đối tánh ư?

Đáp: Vì tùy thuận chuyển, do tánh triển chuyển tương tùy thuận

sinh không ngăn ngại nhau, lại do chủng loại như vậy, ba nghiệp tăng thượng chiêu cảm như vậy mà sinh, vì sao? Tất cả sắc tụ tất cả sắc căn cùng thọ dụng.

Giải thích rằng: Ý vặn hỏi, như một sắc tụ các hương nhẹ khác cũng đồng xứ ấy nên gọi là vô đối. Ý đáp nói, trong các sắc có trái hay không trái, trái là ở khác, thuận là đồng xứ. Lại nghiệp lực gây nên, do đâu được biết một chỗ có nhiều? Như một sắc tụ, mắt thấy là sắc, mũi ngửi có hương, lưỡi nếm tức vị, thân giác có xúc, nên nói sắc căn cùng thọ dụng.

Số: Lại khi thành khí, tam thiên phương khác.

Do Tứ thiên không hoại không thành nên chỉ nêu thành hoại ấy đồng xứ.

Luận: Do đây giả sử sinh tự giới phương khác.

Hỏi: Khí chủng đều có cảnh, vì sao duyên không đồng?

Đáp: Khí là y trì nhưng biến đồng địa, chủng thì không như vậy vì cảnh duyên chung. Lại chủng ba cõi tùy cõi sở sinh do thức năng biến nên được duyên, khí thì không như vậy, làm sao được cùng nêu bày?

Số: Như Đại Phạm biến.

Tức kinh Duy-ma, Phạm Thiên Vương nói: Ta thấy cõi này như Tự tại cung, tức việc ấy. Lại từ trời ở cõi trên mà đến cõi này, ắt biến tịnh khí làm xứ tự nương, do cõi này thô nên không trì nó.

Số: “Đối Pháp quyển 5” đến “nghiệp chủng tùy theo”.

Xét quyển 5 kia không có văn nói, trong quyển 7 nói có cộng nghiệp, nên nói như kinh nói có cộng nghiệp, thế nào là cộng nghiệp? Nếu nghiệp hay khiến các chủng loại khí thể gian sai biệt, hoặc lại có nghiệp khiến các hữu tình triển chuyển tăng thêm, do nghiệp lực này nói các hữu tình lại xen nhau mong làm tăng thượng duyên, do hữu tình cùng nhau có sức tăng thượng nên cũng gọi là cộng nghiệp. Sở trong sơ viết lầm cho quyển 7 là quyển 5, ý dẫn Đối Pháp cũng đồng với luận này nhưng có kinh để minh chứng, việc cộng nghiệp nên suy nghĩ lại.

Số: Đây hiển sinh Vô sắc v.v...

Sở giải thích ý kia do căn cứ nghiệp chủng nói khiến khí giới các loại sai biệt gọi là cộng nghiệp, không tóm ước tất cả khởi ở hiện hành biến các khí giới mới gọi là cộng nghiệp.

Số: Nếu không như vậy lại không có nghĩa bốn phần.

Không biến ảnh, kiến đã thân chứng phần thứ ba rồi, cần gì thứ tư làm quả chứng lượng? Nên không có bốn phần.

Số: “Ba tánh chủng trong này” đến “tùy thức chẳng phải phiền

não”.

Có thuyết nói ba tánh tuy có khác, tùy theo nương nói Vô ký, phiền não tức đồng các bất thiện, nên không gọi là phiền não.

Biện rằng: Tánh do nghĩa của thể loại, tùy y có thể Vô ký, phiền não nghĩa sai biệt tăng thêm nên chủng gọi là phiền não.

Hỏi: Phiền não chẳng phải nhiễm ô, có thể tùy theo chỗ nương mà gọi, đã thuộc về hai tánh, tùy tánh chẳng phải phiền não chẳng?

Đáp: Giới chủng tánh tuy đồng, căn cứ biệt dị nương tựa, hoặc chủng loại cũng như vậy nên không theo chỗ nương mà gọi, trong hai giải thích mặc tình lấy bỏ.

Sớ: “Tức thiên nhân nhĩ” đến “lẽ ra chẳng phải hữu tình”.

Do nếu không thừa nhận duyên cảnh giới khác, thiên nhân nhĩ căn cùng Thức thứ tám trói buộc sai khác, Thức thứ tám không trì cho nên cho nên phải hư hoại, nếu vậy sao gọi là hữu tình?

Sớ: Tức chúng sinh có các lỗi tăng giảm.

Thiên nhân nhĩ căn tức số hữu tình, một thân riêng khởi mà không thuộc ở đây nên gọi là tăng, lại nếu hư hoại lại gọi là giảm.

Hỏi: Nghĩa thật thừa nhận trì, tại sao chẳng phải lỗi tăng thêm, trói buộc không đồng?

Đáp: Tuy trói buộc không đồng, nhưng không lìa thức năng trì của cõi này, có sở y thuộc nên gọi là tăng thượng.

Sớ: Vạn hỏi sư thứ nhất.

Là ở sau trong căn thân là sư thứ nhất. Số nhân sơ hở ấy dự định vạn hỏi nghĩa này.

Sớ: Người mù bẩm sinh cũng vậy.

Người nào con người không thụt sâu thì căn vẫn còn, nhưng vật bên ngoài che mờ nên không thể thấy, người có con người thụt sâu thì không như vậy.

Sớ: Cựu bản bài tụng thứ tư v.v...

Hỏi: Cựu tân hai bài tụng, cảnh và thức trước sau không đồng, đại ý tương tự, tại sao riêng vạn hỏi?

Đáp: Cựu bản nói bản thức hạn cuộc ở một, nói tự ở kia nên thành lỗi ấy. Tân bản nói thức sinh, thức thông tám thức, tùy duyên ngã v.v... nên không có lỗi, Tân luận giải thích rằng: Nghĩa biến tự là tự sắc v.v... các cảnh tánh hiện. Biến tự tình nghĩa là tự tự tha thân năm căn tánh hiện. Biến tự ngã, nghĩa là nhiễm Mạt-na cùng ngã si v.v... vì hằng tương ứng. Biến tự liễu là sáu thức, vì rõ tướng thô.

Luận: Nên sinh tha địa v.v...

Hỏi: Ở đây chứng nghĩa gì?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Chứng tự biến tha phù trần
2. Chứng tự bất biến tha căn.

Phù trần cùng thừa nhận không đợi nói, nhưng ý chứng rằng: Nếu tự năng biến tha y và căn, nó đến tha, các căn y hợp còn, đều là sở biến, đã chỉ nương ở mà căn diệt không còn, trở lại chứng các thời khác đều là y xứ của biến.

Hỏi: Nếu vậy tại sao chỉ có nêu sinh tha địa và Niết-bàn? Há các trường hợp chết khác còn có căn sao?

Đáp: Lý đều không có căn, lại căn cứ hiển mà nói, nếu sinh tự địa sở họ chống chế nói do tự thức biến. Giải thích trước là chính.

Hỏi: Y xứ tha trái lại, nghĩa của tự dẫn nhân lẽ ra không lập, cũng năng biến đến cuối kiếp mới có, thì hài sở biến lẽ ra đồng hay trái lại?

Đáp: Như nói Duy thức thừa nhận cảnh thân sơ, để hài cốt đợi biến, tự tha lỗi gì? Thế phần của hữu vi dài ngắn không đồng, không đồng năng biến, chỉ có mất đi mà không có lỗi.

Sớ: Nhờ thức khởi.

Hỏi: Cùng sức định và thần thông có hai sai biệt chăng?

Đáp: Thân ở cõi trên không khởi định và thần thông cõi dưới v.v... cho nên như sở khởi tán thức ở cõi dưới nên có sai khác.

Hỏi: Khởi tán thức ở cõi dưới lẽ nào không nương định, thần thông cõi trên dẫn ư? Nếu thừa nhận như vậy tức thuộc định và thần thông, tại sao khai sai khác?

Đáp: Do không như vậy cho nên khai riêng.

Hỏi: Giả sử định thần thông làm duyên dẫn lẽ nào không được sao?

Đáp: Giả sử định, thần thông dẫn nhưng là tha địa, do đây khai riêng nên suy nghĩ lại.

Sớ: Thân ở địa dưới ở trên thiên nhãn v.v...

Hỏi: Thiên nhãn nhĩ căn đã cùng dị thực nhãn nhĩ đồng xứ, đồng lấy cảnh chăng? Nếu đồng lấy thì làm sao dị thực mà năng lấy xa? Lại tại sao năng phát nhãn nhĩ thông? Nếu không phát tại sao đồng lấy? Nếu không đồng lấy hai căn đồng xứ, làm sao có được lấy và không lấy?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Đồng lấy, sức thần thông dẫn sinh lấy xa có lỗi gì? Như Dục giới căn có trưởng dưỡng v.v... đã đồng phát thức, đây cũng như vậy.

2. Không đồng lấy, nói định v.v... lực căn cứ thức duyên cảnh.

Lại nếu dị thực năng phát thần thông ấy đâu cần khởi thiên nhãn nhĩ căn ấy cũng đồng một chỗ nghiệp lực không đồng, kiến v.v... đều sai khác, đồng xứ riêng phát cũng lại có lỗi gì? Xét trong Trí Độ luận, tu được thiên nhãn ở trong nhục nhãn, dẫn dắt nhục nhãn ấy cũng có thể thấy xa.

Sớ: Đức Phật phóng hào quang v.v...

Hỏi: Phạm thiên cũng nhân ánh sáng ấy mà được thấy cõi dưới, vì sao không nói?

Đáp: Phạm thiên quán cõi dưới tự lực cũng có thể, nên không nói. Nếu cũng thấy khắp một vạn tám ngàn cõi, cũng do Phật lực, tự lực không kịp, lại căn cứ trên dưới nên không nói Phạm thiên.

Sớ: “Tuy Thức thứ tám biến” đến “văn nội thân”.

Tuy nói Thức thứ tám nhân sức của định và thần thông mà đều năng biến, ở định không thấy văn nói biến nhục thân.

Sớ: Cũng chẳng phải là thân do vì không có căn.

Hỏi: Đã không có căn làm sao được nói ở bên Phật nghe pháp?

Đáp: Thức thứ sáu nghe không đợi ở căn, cho nên trong Du-già ghi: Nghe nghĩa là tỷ lượng.

Sớ: Địa Thức thứ tám trở đi thần thông và định không sai khác.

Thông trí, định định, thể thật có khác, đứng về tánh không sai khác, khởi không có trước sau, sở tác tương tự, căn cứ một bên mà nói.

Sớ: “Do đây cho nên biết” đến sở duyên duyên xa.

Như ở cõi dưới thiên nhãn nhĩ khởi duyên sắc cõi trên, Thức thứ tám cõi dưới lại không duyên cõi trên, tức thiên nhãn nhĩ không có cảnh Thức thứ tám làm chỗ nương chất, nên thiếu duyên xa.

Hỏi: Địa trên mắt thấy khắp tam tai cõi dưới, Thức thứ tám cõi trên cũng duyên tam tai chăng?

Đáp: Thật không duyên, Hộ Pháp không thừa nhận Thức thứ tám cõi khác biến khí giới.

Hỏi: Nếu vậy nhãn trên không có sở duyên xa, lỗi tại sao còn?

Đáp: Do Thức thứ tám cõi dưới sở biến, cũng có lỗi gì?

Hỏi: Nhân ở định và thần thông khiến Thức thứ tám duyên tha, địa khác thân khí được chăng?

Đáp: Sở phán phân không nhất định. Trong Xu Yếu và ý của Nghĩa Đăng thừa nhận. Có nghĩa giải thích nói, biến tự thân tha địa có thể như vậy. Địa dưới năng dẫn thiên nhãn nhĩ, tha địa tha thân và tha địa khí, giả sử sức định tại sao năng biến? Biến để làm gì? Thô tế

ngăn cách không nương trì, nếu vậy tại sao nói sức của định v.v... liền không quyết định? Điều này cũng không trái. Nghiệp lực sở biến thân khí trong ngoài quyết định đồng địa, nếu sức của định biến tự nội thân tức không quyết định. Cõi dưới năng dẫn thiên nhân nhĩ cõi trên, khí biến và tha thân này thuần là định. Nói biến thân khí, bất định v.v... là nói chung mà ý riêng, không nói thân khí đều có bất định. Sở nói cõi trên khởi thân thông đến cõi dưới khiến cõi dưới được thấy gọi là nhân, thông là nương tha thông, định thì không như vậy, cõi trên đến cõi dưới giáo hóa Dục giới, cõi dưới thấy tức là tự địa.

Biện rằng: Như Bồ-tát v.v... biến thân làm cá, đất, biển, vàng, lạc tô, hữu tình cõi dưới được thọ chưởng? Nếu không thọ thì biến có ích gì? Nếu thừa nhận dụng hữu tình Thức thứ tám lẽ nào không duyên biến ư? Không duyên mà thọ chưởng phải Duy thức, nên biết nhân sức thần thông của họ mà dẫn năng biến dị địa, thân khí v.v... tức phù trần ấy gọi là thân; cá, vàng, lạc tô v.v... chẳng phải Dục giới. Giả sử chống chế rằng: Sáu thức hữu tình nương gá Bồ-tát v.v... sở biến, dùng làm bản chất biến mà bền vững, cũng như nhân cõi trên duyên tam tai cõi dưới, nương Thức thứ tám sở biến cõi dưới làm chất, điều này cũng không đúng, dù duyên tự Thức thứ sáu sở biến, Thức thứ tám từ bản nói do sức thần thông cũng nào tổn hại, cùng lúc thường khác cảnh không đồng. Trước nói nhân cõi trên nương gá Thức thứ tám cõi dưới, do Thức thứ tám cõi trên không được duyên cõi dưới, tại sao như vậy? Nếu Thức thứ tám cõi trên tự biến tam tai cõi dưới, thô tế đã ngăn cách, đối với nó không có lực dụng, nếu nương tam tai của Thức thứ tám sở biến cõi dưới làm chất mới biến, thì biến có tác dụng gì? Lại chẳng phải sở dẫn của định và thần thông cho nên do đó không biến. Nếu biến gạo, cá mà có dụng, lại sức thần thông dẫn đâu được cùng nêu bày? Nếu thô tế sai biệt không thừa nhận biến, tức sáu thức khác lẽ ra cũng không duyên, vì thô tế ngăn cách.

Hỏi: Nếu vậy nhân tám duyên Vô lậu có lỗi chưởng?

Đáp: Cũng không trái, vì không thân duyên, nếu nói thân dụng nên mới biến, thì Thức thứ tám không nên biến tha phù trần, sáu thức cũng không biến Bồ-tát, cá v.v... vì chẳng phải thân dụng. Nếu thừa nhận thân dụng liền chẳng phải Duy thức. Lại luận nói sức định và thần thông giới địa tự tha mà không quyết định, sao gượng phân biệt đến nỗi có trái nhiều? Có thể nói vẽ rấn thêm chân. Lại nói từ cõi trên đến giáo hóa Dục giới, cõi dưới thấy tự địa, lý cũng không đúng. Nói giáo hóa Dục giới, vì tự Dục giới, thật ra địa trên trói buộc, Dục giới địa pháp

không tu được giáo hóa, như ở sau biện rõ.

Sớ: Được định uy đức.

Có uy đức sở khởi thắng định gọi là định uy đức, đây có hai giải thích:

1. Tự tại Bồ-tát và Nhị thừa là định sở đắc, nên trong Du-già ghi: Chẳng phải là tất cả định tâm sở hữu, đều có năng sinh công năng của sắc này, chỉ có một loại, nên biết tuy có bậc Thánh.

2. Cũng thông dị sinh, y định tập lâu dài được tự tại là lựa chọn chẳng phải tự tại gọi là có một loại, cũng không có lỗi ấy.

Giải thích trước là thù thắng.

Sớ: Lại giải thích do sơ thiên nhãn nhĩ v.v...

Đây không thiếu, hợp ở cảnh thiên nhãn nhĩ trước trở xuống mà nói.

Hỏi: Trước nói nhãn nhĩ bản chất có không, ý nào nói thiếu đồng dị nhãn nhĩ duyên cõi trên trời buộc?

Đáp: Trước tuy nói chất, chưa luận tướng sai biệt trời buộc nên kể đó mới nói. Tướng chất tuy khác, do vì chung cảnh, nên nói lại giải thích.

Hỏi: Sơ thiên nhãn v.v... kiến địa trên sắc có bản chất chẳng?

Đáp: Tuy không nói lý hợp có, do tha Thức thứ tám biến làm chất.

Sớ: Do ba thức sở tri này ắt đồng v.v...

Nhãn nhĩ thân ba thân thức tướng phần đã chỉ có sơ thiên, nên nhãn nhĩ hai tướng chẳng phải cõi trên trời buộc.

Sớ: “Năm mươi bốn” đến “sinh nhân thiếu”.

Nghĩa nhân thiếu lược có hai giải thích:

1. Chủng tử gọi là nhân, vì không có chủng ấy nên gọi là nhân thiếu.

2. Nhân là nghĩa của lý do, là các đạo lý của hương vô sinh ấy.

Hỏi: Giả sử thừa nhận cũng đâu có trái lý?

Đáp: Nếu thừa nhận định tâm mà hiện hương vị, hương vị tùy tâm địa trên trời buộc, ở đây tức địa trên mà có hương vị, có lỗi trái với các giáo, do định tâm này chẳng biến hương vị, kết hợp trong số thành ba giải thích. Nói tâm gia hành tức là nhân, hoặc trong số đã giải thích không khác hai cách trước. Nhân gia hành, nhân tức hai pháp trước, lại không có sai khác.

Sớ: Lại không có dụng.

Hương vị nường ở đoạn thực thi thiết, hương vị không có đoạn

thực, giả sử có hương vị thì dùng để làm gì?

Sớ: Hoặc là căn bản và sở biến v.v...

Như thứ lớp đã khởi gọi là sắc của định và thần thông, thần thông nương định sinh nên thần thông gọi là quả.

Sớ: Điều thông biến và hóa.

Biến nghĩa là nghĩa là chuyển biến, cải đổi thật kia. Hóa nghĩa là hóa hiện không mà bỗng có, sức định và thần thông của Phật đều hay làm được.

Sớ: Thần thông có thể dẫn khởi căn cùng các trần.

Hỏi: Nếu ở Phật hai vị tâm sở đã hằng tương ứng làm sao thần thông và định dẫn căn trần sai biệt.

Đáp: Tuy đồng thời khởi, lực dụng không đồng sở biến có sai khác, cũng đâu có lỗi gì?. Lại tâm Vô lậu ắt có định đạo đồng thời khởi, tương ứng với một tư, đối với hai loại này gọi là định đạo giới, do hai pháp trợ giúp tư có ngăn ngại. Nay định và thần thông hai pháp tuy lại đồng thời, chỗ khởi các sắc đối năng khởi cả hai gọi là định và thần thông đồng giới cũng đâu có lỗi gì?

Sớ: Do sức định biến dị thân khí.

Trước tuy lược nói ý chánh nói thông, lại chưa dẫn chứng, nay đủ dẫn cứ nên nêu ra lại.

Sớ: Biến thân vạn ức v.v...

Xét luận ấy ghi: Tâm tự tại chuyển tánh vi tế, nghĩa là các sắc hai cõi sắc Vô sắc, như trong kinh ghi: Chư thiên có tâm bình đẳng, từng ở trong loài người cứ thế giúp huân mài sáng tâm mình, tùy theo sức tu này trụ một đầu mảy lông, lượng như hư không, ở khắp địa xứ, triển chuyển hỗ tương không ngăn ngại nhau.

Giải thích rằng: Hai sắc của Sắc giới gọi là tự tại. Một là định tâm hiện, hai là tự tại định chỗ chiêu cảm báo sắc. Vô sắc chỉ một định tâm sở hiện, sắc định của hai cõi nhân định tự tại mà khởi gọi là tự tại vi tế tánh. Như trong kinh đã dẫn, trong truyện giải thích chỉ chứng báo sắc ở sắc giới, tức Tịnh cư thiên gọi là Đẳng tâm thiên, đích thân đến Phật nghe pháp là thân một vạn sáu ngàn do tuần, mỗi mỗi thân đều trụ đầu mảy lông, lượng nhiều như đất, cũng như ánh sáng đèn không ngăn ngại nhau. Lại cõi Tịnh cư hàng Bồ-tát Thập địa trở lên gọi là Đẳng tâm thiên.

Biện rằng: Y định Vô sắc cũng có thể khởi thân mà đến chỗ Phật gọi là Đẳng tâm thiên, điều này cũng đâu có lỗi gì? Vì trong kinh không lựa chọn. Lại trong luận đều nói hai cõi trên, vì sao dẫn chứng chỉ chứng

Sắc giới? Nên biết thông chứng lý không tổn hoại. Lại trong luận Du-già không nói cộng lập, hoặc bản không đồng, hoặc là sở chủ chuẩn theo các văn nên nói cộng. Cho nên trong Trí Độ luận quyển 93 ghi: “Biến tịnh thiên có sáu mươi người ngồi ở một đầu cây kim”. Lại sắc Vô sắc đều có tự loại không ngăn ngại nhau, chẳng phải là hai cõi xen nhau không ngại, thoạt xem văn kia mà nói hai cõi xen nhau không ngại.

Sớ: Sắc giới cũng nói có, cũng khiến thấy nhau.

Trong Du-già đã nói chư thiên Sắc giới cũng biến thân v.v... nên biết không chỉ Vô sắc giới, mà có sở bản viết chữ “giả sử” là nhằm, theo đó nói là chánh.

Sớ: Lẽ ra cũng không duyên các sắc Đẳng lưu có gián đoạn.

Hỏi: Trừ nghiệp chiêu cảm sắc dị thực, ngoài ra tức các thiện ác và ngoại khí v.v... đều gọi là Đẳng lưu, nhân gián đoạn lẽ nào chẳng phải một phần cả hai đều bất thành?

Đáp: Sở lược chỉ bày pháp, đầy đủ lẽ ra nói lựa chọn, lựa chọn lý nên biết. Lại ý sở chỉ bày lượng trước bất định chẳng phải lập lượng phá.

Luận: “Lược nói Thức này” đến “sắc sở hiện biến”.

Hỏi: Thức thứ tám đã duyên pháp xứ thật sắc, ngã thức cũng duyên chẳng? Nếu không duyên là Thánh biến ra cá v.v... người phàm lẽ ra không thấy. Nếu thừa nhận duyên thì năm mươi bốn thuyết pháp xứ nhiếp sắc, gọi là vô kiến đối, lại làm sao thông?

Đáp: Như trong Nghĩa Đăng quyển 2 đã phân biệt. Lại có thuyết giải thích, các sắc biến dịch mà không có kiến đối, nhưng cùng với nhãn v.v... làm tăng thượng duyên gọi là thấy vàng v.v...

Sớ: Ở đây có vấn hỏi nên như lý nên suy nghĩ.

Vấn hỏi rằng: Do nhân từ quả tùy hiện pháp giới thân nhiếp, do cảnh đối với tâm thuộc về thức pháp giới chẳng?

Đáp: Nhân duyên gần biện thể, chủng tùy theo hiện thân nhiếp, làm cảnh dẫn tha thừa sơ cho nên chẳng phải thuộc pháp xứ.

Sớ: Cực lược cực quýnh sắc.

Phân tích căn khí v.v... làm cực vi gọi là cực lược, phân tích các sắc tượng làm cực vi gọi là cực quýnh.

Sớ: Nếu chỉ có ý duyên v.v...

Độc đầu ý thức duyên căn trần v.v... do phân biệt sinh, cũng gọi là thuộc về Biến kế sở khởi.

Sớ: Do tối theo sáng.

U ẩn hiển che mờ gọi là tối sáng, mười xứ nghiệp xứ gọi là sáng

tối, là nghĩa có thể xác quyết.

Sớ: “Cũng chẳng phải do nói” đến “cũng duyên có”.

ý nói Thức thứ sáu cùng Thức thứ năm đồng duyên, tuy gọi là phân biệt, nhưng duyên cảnh có dụng.

Luận: Ban đầu ắt có dụng, sau ắt có cảnh.

Sớ giải thích nhân duyên, phân biệt, cả hai biến tổng có bốn giải thích, lấy giải thích thứ tư, tìm xem có thể rõ. Có nghĩa có ba giải thích:

1. Chỉ có tâm hiện lượng gọi là nhân duyên kiến, các tỷ lượng phi lượng đều phân biệt kiến.

2. Thức thứ tám tâm vương, tâm sở gọi là nhân duyên biến, các tâm tâm sở khác gọi là phân biệt biến.

3. Chỉ có Thức thứ tám tâm vương là nhân duyên biến, tương ứng tâm sở cũng là phân biệt biến, đây là nghĩa của Hộ Pháp, trì chủng thọ huân chỉ có tâm vương, tự phán phân hai pháp trước có nhiều lỗi lầm, thứ ba có thể thông.

Hỏi: Nếu nói nhân v.v... sắc sở duyên đều không có thật dụng, lẽ nào nhân v.v... các thức đều duyên giả pháp?

Đáp: Giả có danh chủng tự có ước lược về nghĩa, nương thật nói giả chẳng phải năm thức duyên, là tâm phân biệt, vì nói nghĩa sai khác, các sắc ảnh tượng tuy không ngại nên được gọi là giả sắc. Nhưng nói chủng sinh tức gọi là thật, nên không có lỗi.

Biện rằng: Không những hai pháp trước có nhiều lỗi lầm mà giải thích thứ ba cũng đồng lỗi trước, vì sao? Như Thức thứ tám mặc tình mà khởi, cảnh sở biến từ thật chủng sinh gọi là nhân duyên biến, tức năm chuyển thức một phần Thức thứ sáu cùng ngã đồng thời khởi. Mặc tình duyên là cũng nhân, nhân duyên khởi cảnh thật chủng sinh, vì sao phán phân thành phân biệt biến? Nên nay nương trong sở lấy giải thích thứ tư.

Sớ: Nhưng trong một niệm tâm được thành hai chủng v.v...

Duyên căn trần v.v... gọi là nhân duyên biến, duyên bảy tâm giới thuộc phân biệt biến.

Sớ: Trái lại hiển Thức thứ tám đều có đủ hai biến.

Tâm vương tâm sở như nhân duyên và phân biệt hai biến kế tiếp nhau nhiếp.

Luận: “Nếu biến tâm” đến “vì không thể duyên”.

Trong kinh Giải Thâm Mật ghi: “Tâm biến hóa không tự nương tâm, có tâm y tha”. Xét luận Phật Địa quyển 6 giải thích rằng: “Nghĩa

là hóa tâm v.v... nương thật tâm hiện”, nhưng tướng phần trên thật tâm, tự có các tâm duyên lực, như lửa trong gương, không có tự thể khác. Ý giải thích này nói, không tự nương thật tâm kiến phần gọi là không có tự nương, nhueng có tự lực gọi là hữu y tha. Lại kiến, tự chứng, chứng tự chứng phần gọi là tâm tự nương, hóa tâm sai khác gọi là không có tự nương tâm có y tha tâm, đồng với trước nên biết.

Sớ: “Tức hiện tỷ hai lượng” đến “có thể nên phân biệt”.

Như Thức thứ sáu ý duyên cảnh từng thật, huân chủng thành thật, sau sinh thật hiện. Đây tuy thuộc về tỷ lượng phân biệt biến, nhưng dung chứa có thật dụng, hiện lượng Thức thứ sáu cùng Thức thứ năm đồng duyên cũng có thật dụng. Nếu định tâm duyên mười tám giới, dụng thông giả thật như trước nên biết.

Sớ: Trong này là gồm đứng về thân khí là tiểu.

Thân tức là khí, chẳng phải khí ngoài khí, trong quyển 51 phần y thân khí khí đã nói có rộng hẹp. Có nghĩa số nói thông nương thân khí để giải thích, nay không nương ở đây, luận ấy chỉ nương cảnh chấp thọ nói hẹp nhỏ rộng lớn.

Biện rằng: Không lãnh hội được ý chỉ số, luống làm mai một, xin xét rõ vậy.

Sớ: Đây cũng lập đồng.

Đồng với diệt định trước ở trong sở lập.

Sớ: Hai chấp mỗi tông giải thích không đồng.

Kinh bộ, Hữu tông giải thích có sai khác, đến sau sẽ biết.

